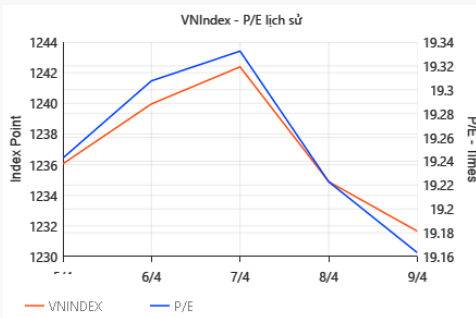
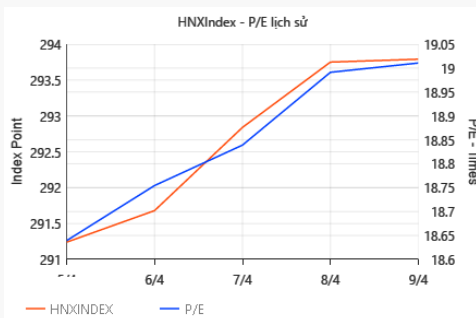


VN-INDEX



Điểm số	1,231.66
Tuần qua (WoW)	0.59%
Từ đầu năm (YTD)	11.58%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	1.48%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	4.53%
P/E	19.16
P/B	2.62

HNX -INDEX



Điểm số	293.79
Tuần qua (WoW)	-0.37%
Từ đầu năm (YTD)	44.64%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-7.91%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-5.94%
P/E	19.01
P/B	1.8

Bộ phận Chiến lược đầu tư

CHỜ ĐỢI KQKD QUÝ I

Thị trường đã chịu áp lực sau khi vận động khá tích nhờ sự hưng phấn sau vượt đỉnh. Việc đoán đỉnh ngắn hạn ở thời điểm hiện tại có mức độ chắc chắn không quá khác so với việc dự báo đáy tháng 4 /2020 và chúng ta nên nhìn vào dòng tiền hơn là quá tập trung vào mức điểm của Index. Mức P/E trượt toàn thị trường hiện tại mới chỉ vượt qua 19, tương đối cao nhưng chính vì vậy dòng tiền cũng đang chờ đợi thông tin kinh doanh quý I. Nếu tốc độ hồi phục tiếp tục duy trì thì chúng ta hoàn toàn có thể duy trì tỷ trọng cổ phiếu cao và theo dõi các diễn biến điều chỉnh của thị trường, nếu có. Căn cứ vào tốc độ mở tài khoản vẫn đang được duy trì, áp lực bán ròng của khối ngoại giảm mạnh khi bước vào tháng Tư đi vùng với nguồn giải ngân từ ETF Fubon mới, các DN lớn tiếp tục cho thấy thông tin tích cực trong các báo cáo kinh doanh theo tháng trong các tháng gần đây. Trước mắt, chúng tôi đánh giá khả năng cần phải thực hiện cơ cấu hạ tỷ trọng để tránh rủi ro rơi điểm là chưa cao.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ IVS

Danh mục Giao dịch: Bổ sung DIG, GMD và CEO từ đầu tuần.

Danh mục Nắm giữ: không có thay đổi. **Danh sách theo dõi:** nhóm cổ phiếu Chứng khoán, VTP.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Đà tăng chung có phần chững lại nhưng xu hướng thì vẫn bảo toàn. Và thậm chí việc đà tăng không diễn ra quá nhanh thậm chí còn là điều tốt, khi mà nó có thể lan tỏa ra rộng để giúp nhiều cổ phiếu hưởng lợi từ xu hướng chung. Tỷ trọng cổ phiếu từ trung bình đến cao lúc này sẽ là có thể chấp nhận. Nhưng các điểm mua thì vẫn luôn cần thật hợp lý và thận trọng.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ IVS
Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã DIG, GMD và CEO được thêm mới vào Danh mục Giao dịch trong tuần vừa qua.

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk: Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
DIG	08/04/21	30,000 – 31,000	47,000	27100	1:4	-1.1%
GMD	07/04/21	35,000 – 36,200	55,000	32,700	1:5	-1.4%
CEO	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	-5.1%
STB	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	8.1%
TTF	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	5.7%
VIC	26/03/21	109,000–114,000	145,000	107,000	1:4.5	9.6%
VCB	18/03/21	96,300 – 98,500	125,000	94,000	1:6	-1.0%
GEG	08/03/21	18,000 – 19,200	28,000	16,800	1:4	0.3%
FCN	08/03/21	14,000 – 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-1.3%
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	-11.4%
TIG	05/03/21	8,300 – 9,300	15,000	8,000	1:4.5	17.2%
GAS	17/02/21	83,000 – 86,500	120,000	76,700	1:3.5	2.7%
CNG	17/02/21	21,900 – 23,000	31,500	20,600	1:3.5	4.4%
CCL	17/02/21	11,000 – 12,000	19,000	9,700	1:3	27.9%
SAM	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200	1:5	-1.7%
LAF	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	7.6%
VSH	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	-1.8%
MSR	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	3.8%
SFI	09/12/20	30,700 – 32,500	48,000	29,200	1:5	22.2%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	73.6%
PGV	23/11/20	15,000 – 16,000	25,500	13,700	1:4	13.1%
CKG*	19/11/20	10,700 – 11,200	14,300	10,300	1:3.5	70.7%
DRI*	20/10/20	5,000 – 5,500	10,500	4,200	1:4	69.1%

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Mức vượt mục tiêu	Tổng mức biến động
HAH	02/04/21	1	24,650	Mua vào	29,800	20.9%	22.4%	-	-1.2%
DHC*	30/10/20	1	45,300	Giảm tỷ trọng	50,700	17.1%	-	72.6%	102.1%
VHM*	16/11/20	1	76,600	Nắm giữ	88,315	15.3%	-	12.0%	29.1%
ACB	05/02/21	2	28,500	Mua vào	36,350	27.5%	5.7%	-	52.9%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	18.0%	107.0%
MBB*	05/02/21	2	24,750	Nắm giữ	27,000	9.1%	-	16.1%	83.5%
VIB*	05/02/21	1	35,400	Mua vào	45,000	27.1%	-	12.7%	43.2%
TPB	05/02/21	1	26,700	Mua vào	34,500	29.2%	19.8%	-	7.9%
MWG	31/07/20	2	128,500	Nắm giữ	154,500	67.4%	15.9%	-	81.4%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	15.0%	-	5.0%	77.1%
SBT	08/02/20	2	20,500	Nắm giữ	24,000	16.8%	5.7%	-	22.7%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua vào	54,000	45.2%	23.0%	-	18.0%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Việc thị trường nhanh chóng vượt qua mức điểm 1,200 cũng như lên sát mức cản 1,250 do nhiều bên dự báo có thể khiến nhà đầu tư cảm thấy lo sợ về một đợt điều chỉnh mạnh đến từ đà chốt lời ngắn hạn. Chúng tôi không loại trừ khả năng này nhưng cho rằng nhà đầu tư có thể duy trì danh mục với các cổ phiếu mạnh: đối với danh mục giao dịch là cổ phiếu có sự tích lũy tốt còn đối với danh mục nắm giữ là các cổ phiếu duy trì tăng trưởng trong quý 1. Các thông tin xung quanh đợt họp đại hội cổ đông 2021 và báo cáo kết quả quý 1 sẽ tiếp tục đóng vai trò lực đẩy chính trong giai đoạn hiện tại.

DANH MỤC THEO DỐI

Với việc HOSE đang tiến hành thử nghiệm một số giải pháp sửa lỗi và đưa ra nhận định khá tích cực về tiến độ sửa lỗi dự kiến, nhóm Chứng khoán sẽ có cơ sở để thu hút sự chú ý của dòng tiền thị trường trong tuần tới.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Thị trường duy trì đà tăng cho đến phiên giữa tuần khi gặp vùng 1,245 tương ứng với mức P/E trượt khoảng 19.3, thị trường có 416 mã tăng trên tổng số 768 mã của 2 sàn chính. Nhóm Viễn thông và Công nghệ thông tin là 2 nhóm ngành có mức tăng nổi trội nhưng chủ yếu là tại các cổ phiếu smallcap, SAM + 8.18%, FPT+2.88%, FOX+2% là các cổ phiếu tăng chính trong nhóm này. Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu truyền thông và nhóm thực phẩm – đồ uống (F&B) là 2 nhóm kém tích cực nhất.

Các mã penny tiếp tục nổi sóng, chỉ tính riêng nhóm có thanh khoản bình quân trên 10 tỷ/ phiên thì ACM, DLG và KSH đều có mức tăng từ 35% trở lên. Chúng tôi tiếp tục lưu ý nhà đầu tư sẽ rất dễ rơi vào trạng thái lo sợ lỡ mất cơ hội khi nhìn vào các cổ phiếu tăng nóng trong khi danh mục chỉ vận động cùng thị trường.

Lực bán ròng của khối ngoại đã tạm thời biến mất với việc giao dịch khá cân bằng sau khi loại trừ lệnh mua thỏa thuận với khối lượng lớn VHM vào phiên thứ 6. Nhóm tự doanh bán ròng khoảng 340 tỷ trong tuần, tập trung vào các ETFs nội.

THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU

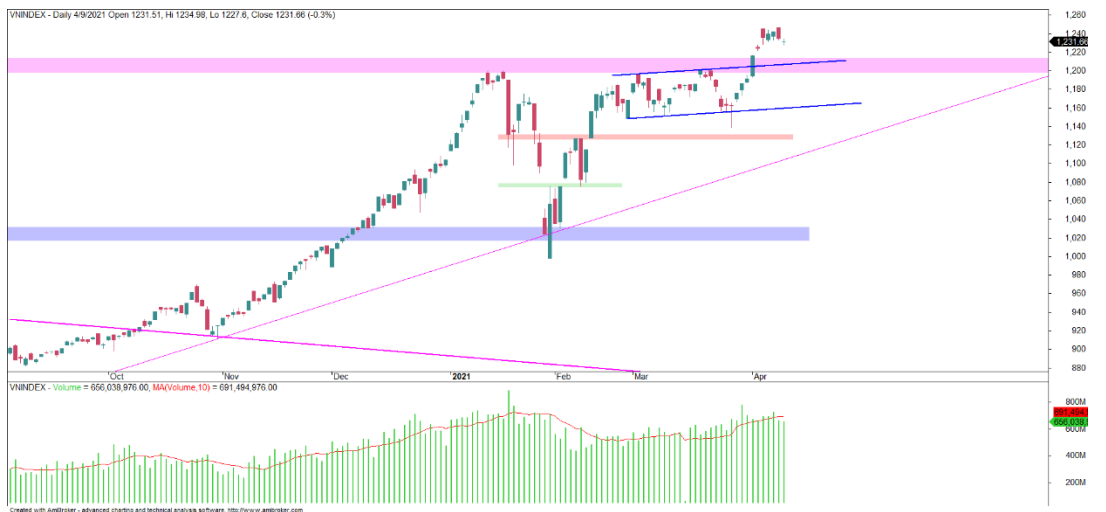
Trong khi thị trường Việt Nam tương đối trầm lắng thì các chỉ số chứng khoán tại các thị trường lớn như Mỹ, Anh và Châu Âu có mức hồi phục tương đối tốt đến từ thông tin việc phân phối Vaccine đã được đẩy nhanh hơn. Tại Mỹ, khu vực dịch vụ tiếp tục đà hồi phục với việc chỉ số PMI Dịch vụ đạt 63.7 trong tháng 3. Song song với đó PMI sản xuất của Mỹ cũng đạt 64.7. Các gói kích thích kinh tế, đầu tư Công của Mỹ sẽ tạo lực cầu trên phạm vi toàn cầu, cả về hàng tiêu dùng lẫn nguyên vật liệu dành cho hoạt động xây dựng. Một tác nhân tích cực khác đến từ việc Tổng thống Mỹ ông Biden quyết định sẽ có lộ trình linh hoạt đối với việc tăng thuế doanh nghiệp từ 21% lên 28% nhằm chuẩn bị nguồn vốn cho hoạt động đầu tư cơ bản. Cũng trong tuần qua, IMF đã nâng

triển vọng tăng trưởng toàn cầu lên mức 6% trong năm 2021 từ mức dự báo 5.5% tại thời điểm tháng Giêng, duy trì sự lạc quan của các thị trường cổ phiếu toàn cầu.

VNINDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng điểm ở mức trung bình, 0.6%, biên độ dao động cả tuần ở mức trung bình, mở cửa tuần cũng gần như là mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa tuần và cao hơn một chút so với mức thấp nhất tuần. Nhìn chung thì diễn biến của các ngày trong tuần không có nhiều điểm quá nổi bật, sau khi tăng mạnh mẽ trong tuần trước đó thì VNINDEX tiếp tục bật lên trong ngày đầu tuần rồi sau đó chuyển thành đi ngang trong biên độ khoảng 15 điểm trong các ngày còn lại. Một chút tâm lý lo ngại vẫn còn đang hiện hữu nhưng xu hướng tăng lúc này đã là khá rõ ràng và vẫn đang duy trì tốt.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,070
	1,120 – 1,130
	1,150 – 1,160
	1,200
Kháng cự	1,300 – 1,350

TIÊU ĐIỂM- NEWS FOCUS

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – VPB VN

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank - VPB) vừa công bố tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2021. Về kế hoạch kinh doanh, VPBank đặt mục tiêu tổng tài sản tăng 17,4% đạt 491.886 tỷ đồng. Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng 10,5% đạt 327.280 tỷ đồng. Dư nợ cấp tín dụng tăng 16,6% đạt 376.340 tỷ đồng. Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 16.654 tỷ đồng, tăng 27,9% so với năm 2020.

Bên cạnh đó, ngân hàng dự kiến bán 15 triệu cổ phiếu ESOP với mức giá ưu đãi 10.000 đồng/cp. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối đa 3 năm và giải tỏa 30% sau 1 năm, 35% sau 2 năm và 35% sau 3 năm. Thời gian thực hiện dự kiến vào quý 3/2021.

CTCP FPT – FPT VN

Tại ĐHCĐ thường niên năm 2021, Ban lãnh đạo FPT chia sẻ kết quả kinh doanh quý 1/2021 với doanh thu dự kiến tăng trưởng trên 14% và lợi nhuận tăng trưởng 22% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tại đại hội, cổ đông FPT cũng đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận với tỷ lệ cổ tức cho năm 2020 là 20%. Công ty đã tạm ứng 10% trong năm 2020 và sẽ trả 10% còn lại vào quý 2/2021 sau khi ĐHCĐ phê duyệt. Đồng thời, FPT cũng sẽ trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% từ nguồn lợi nhuận giữ lại.

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
ACB*	28/9/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	5/2/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/9/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	5/2/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/9/20	1 / 2	17,087	20,000	17.0%	44.8%	5/2/21	27,000	+35.0%
SBT*	2/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	8/2/21	24,000	+8.1%
MWG*	31/7/20	1 / 2	73,470	123,000	67.4%	74.9%	8/2/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/7/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	8/2/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1231.66	-0.26%	-3.23	732.82	18208.4	213	54	206
Vn30 - Index	1253.26	+0.12%	+1.45	209.35	10025.9	12	3	15
Vn - Mid	1520.32	+0.21%	+3.23	268.67	4608.3	29	7	34
HNX - Index	293.79	+0.01%	+0.04	164.49	2839.3	118	71	94
Upcom - Index	83.01	-0.07%	-0.06	113.76	1045.3	238	79	139
VNX-ALL	1944.44	+0.09%	+1.75	762.89	18944.5	182	67	175

BIẾN ĐỘNG TRONG PHIÊN
VN-INDEX

VN30

VN-MID

HNX-INDEX

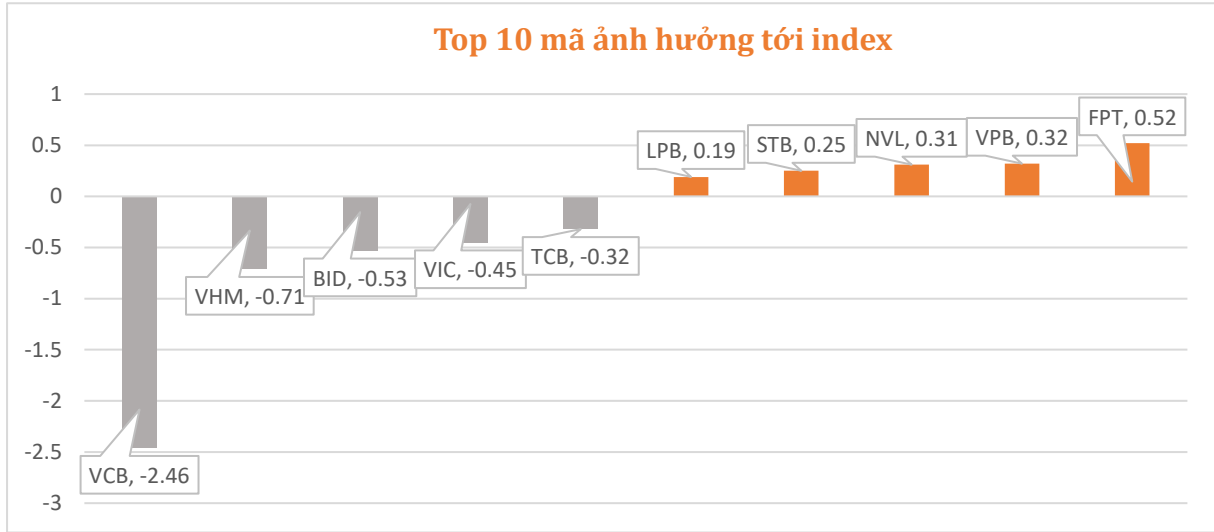
UPCOM

VNX-ALL

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

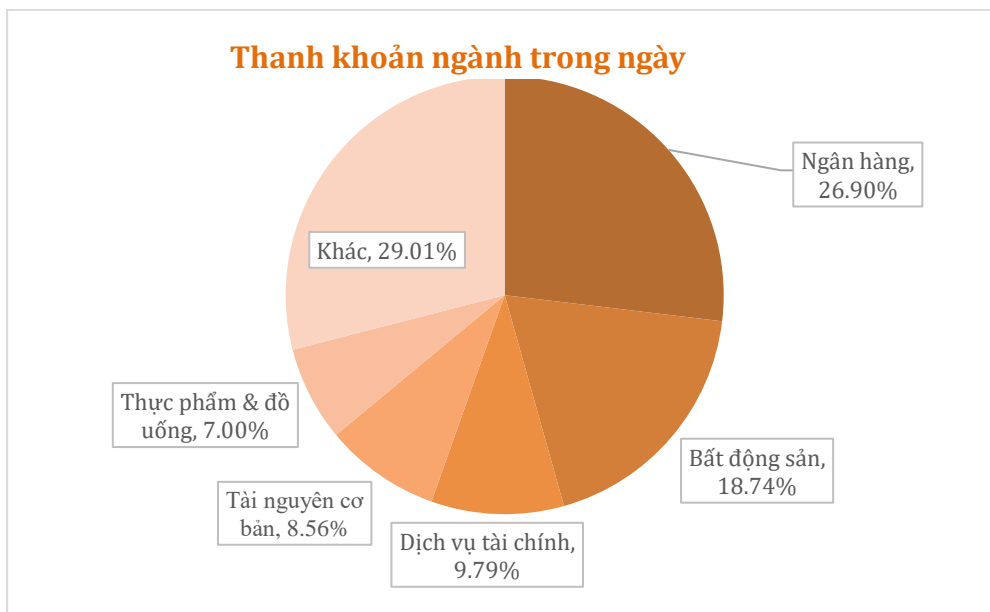
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	18,208.37	25.38%	732.82	10.28%
HNX	2839.34	-5.65%	164.49	-10.26%

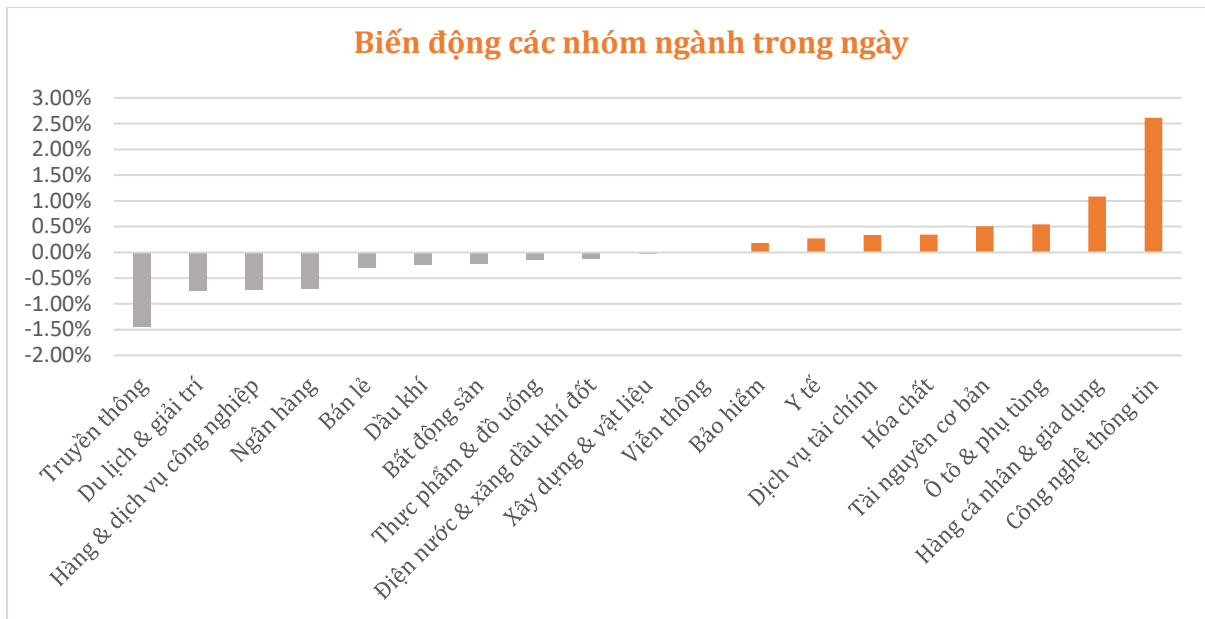
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN



Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
ROS	53.06	HPG	773.68	JVC	757.1%	KVC	+10%	MPT	-7.5%
STB	25.32	CTG	622.17	QCG	629.4%	ACM	+9.1%	YEG	-6.9%
SHB	23.78	SHB	596.94	SCR	339.6%	ITQ	+9.1%	VOS	-3.6%
HQC	23.45	STB	571.49	PAN	255.8%	VGS	+7.9%	GEX	-3.2%
FLC	22.07	MBB	527.10	MPT	314.3%	BII	+7.3%	EVG	-3.1%

NHÓM NGÀNH

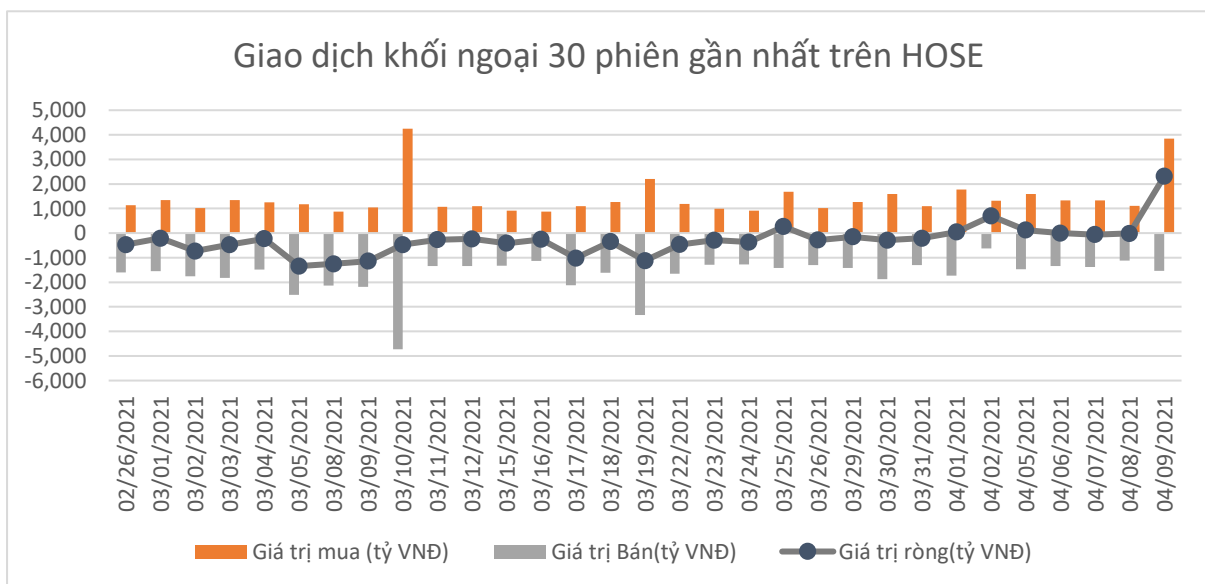




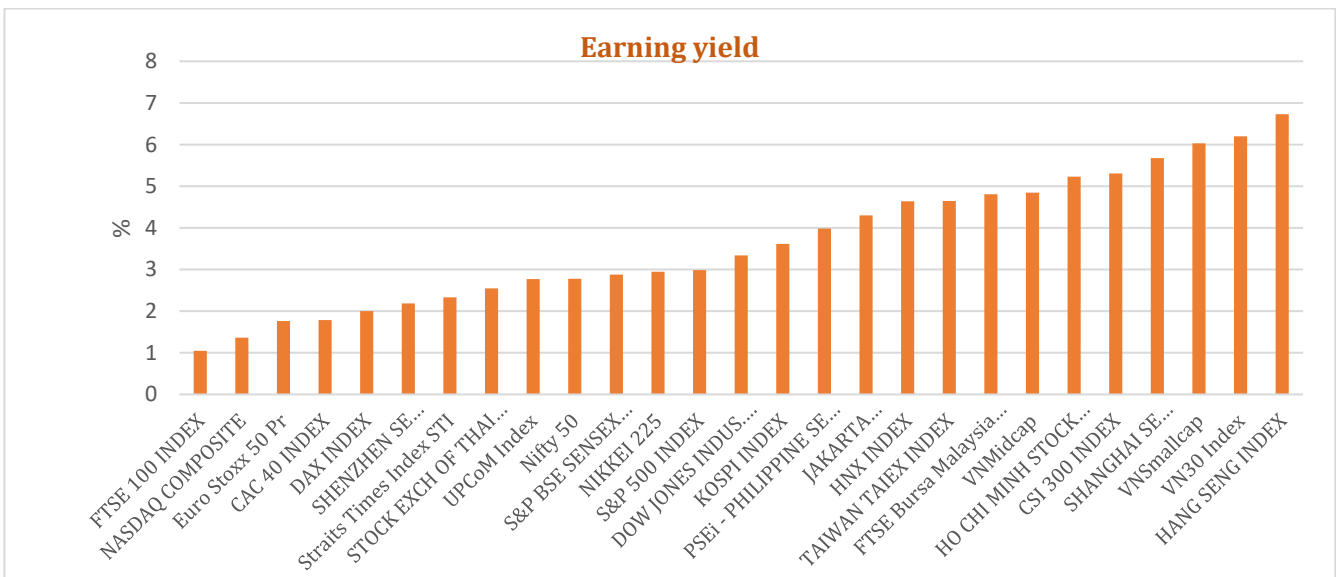
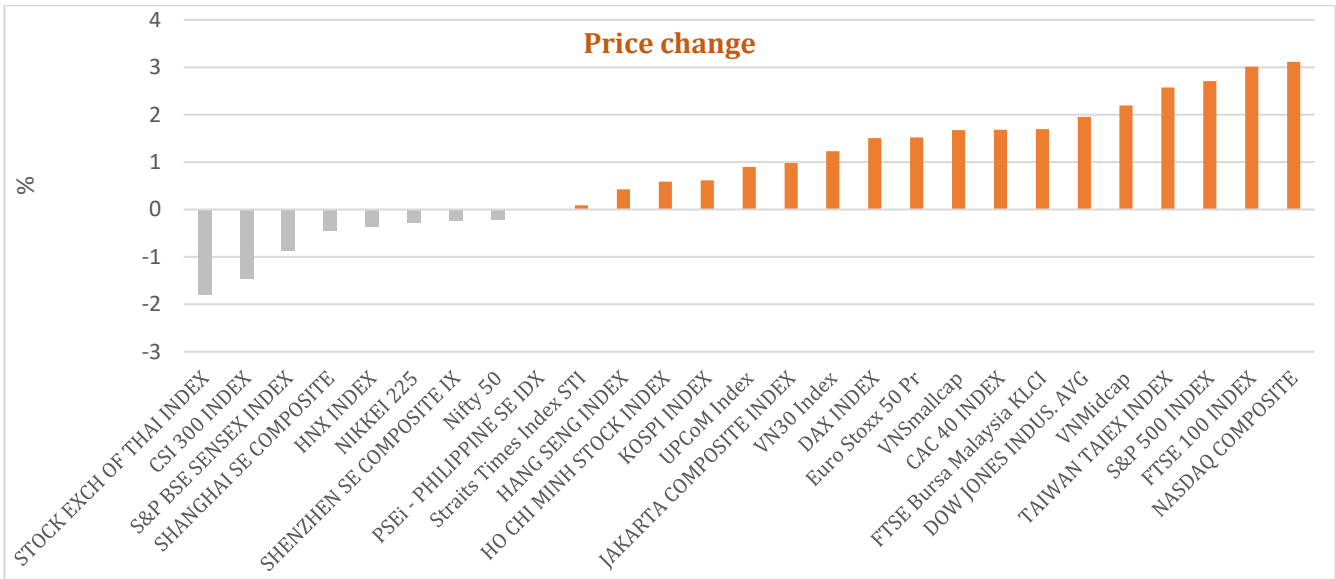
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE mua ròng 2307.75 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 9.44 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VHM	2158.53	CTG	73.05
VRE	93.54	BID	48.86
HPG	66.17	KDH	20.9
STB	39.83	CII	19.79
MSN	33.45	VCB	18.76



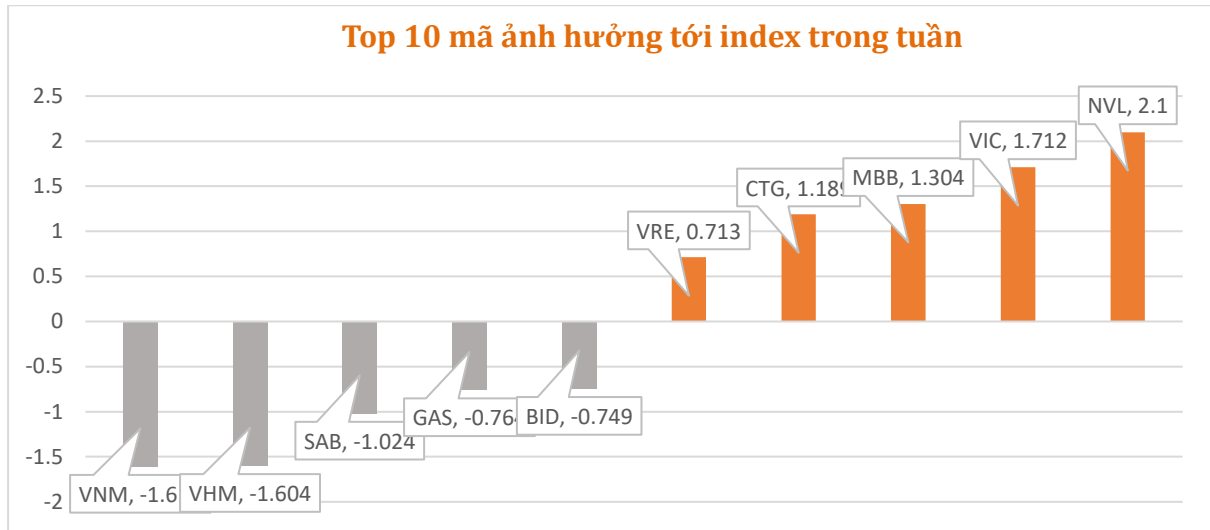
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

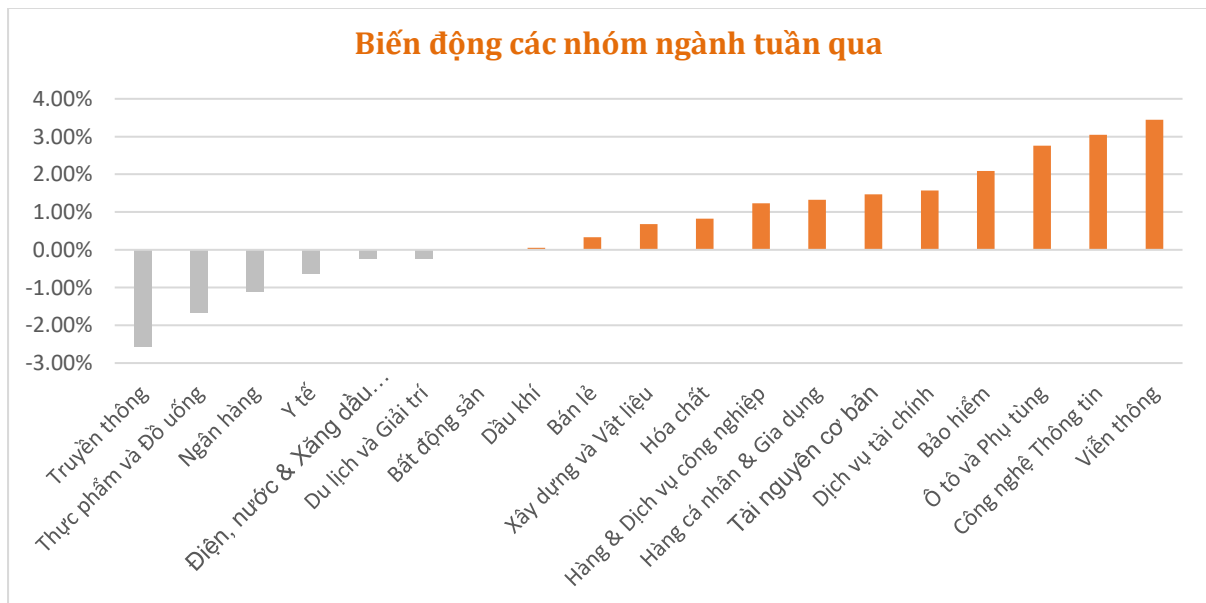


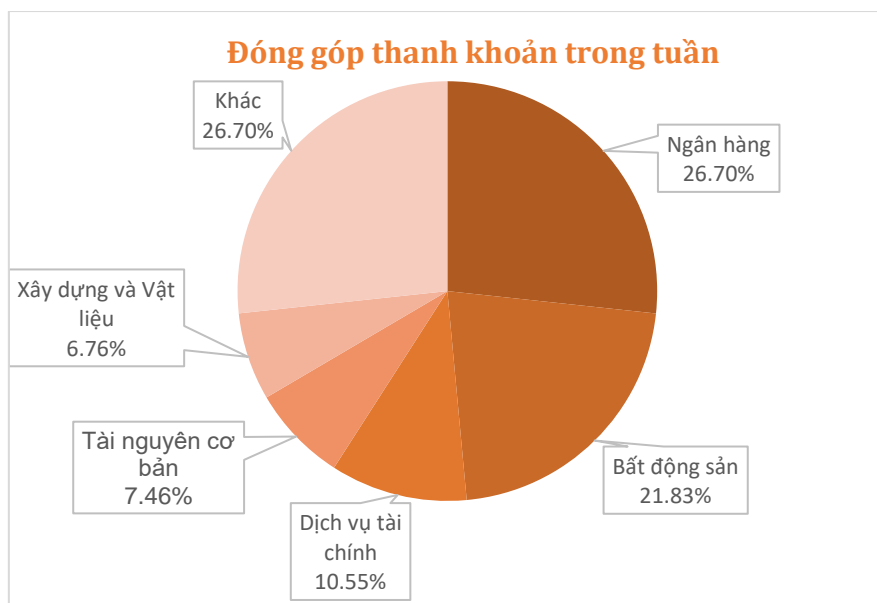
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/ KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
STB	38.4	STB	870.1	QBS	5.89x	ACM	50.0%	VNB	-17.5%
ROS	34.0	MBB	759.7	JVC	3.17x	DLG	39.0%	ART	-8.9%
FLC	28.8	HPG	704.9	VHG	3.16x	KSH	34.9%	NTC	-7.9%
MBB	24.4	CTG	658.4	VNB	2.91x	AMD	25.0%	SIP	-6.9%
HQC	24.0	SSI	491.6	TNI	2.50x	VHG	24.9%	SHB	-6.3%

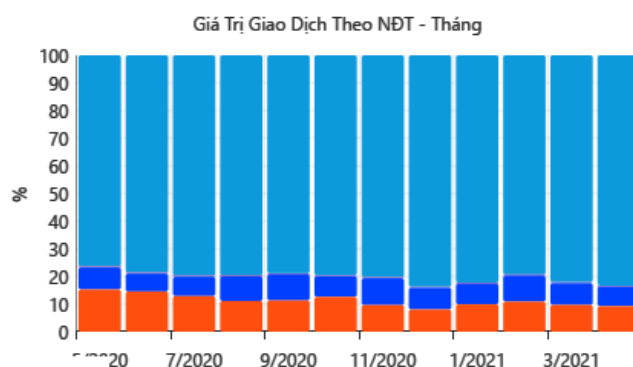
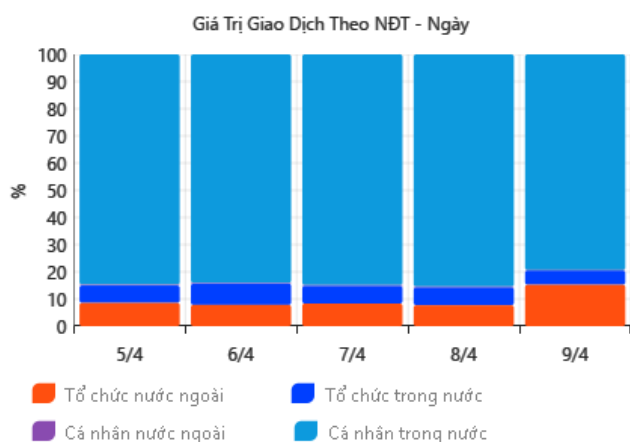
NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





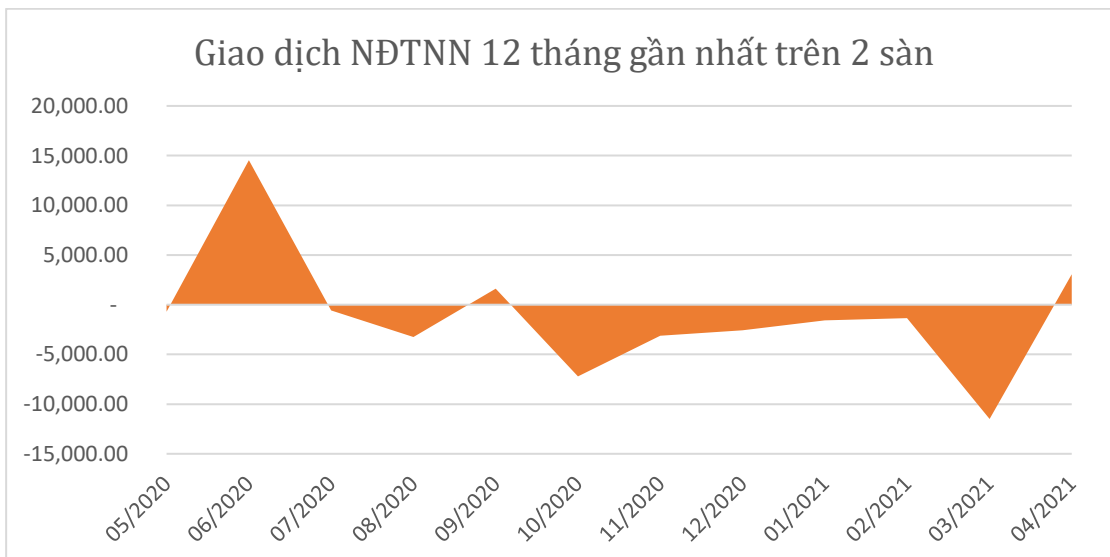
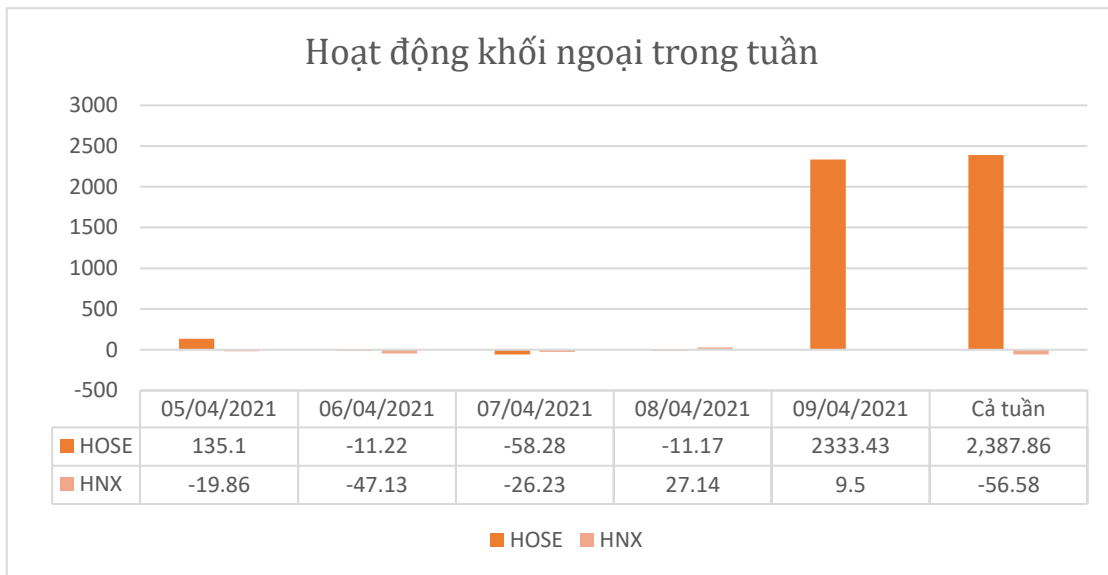
DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
STB	0.44%	7,945.19	VHM	-1.79%	3,306.47
MBB	5.91%	6,725.54	VIC	1.54%	1,915.26
HPG	1.02%	5,642.98	HPG	1.02%	1,867.33
CTG	2.91%	5,305.82	CTG	2.91%	1,211.23
SSI	2.77%	4,570.69	VNM	-2.82%	1,158.59



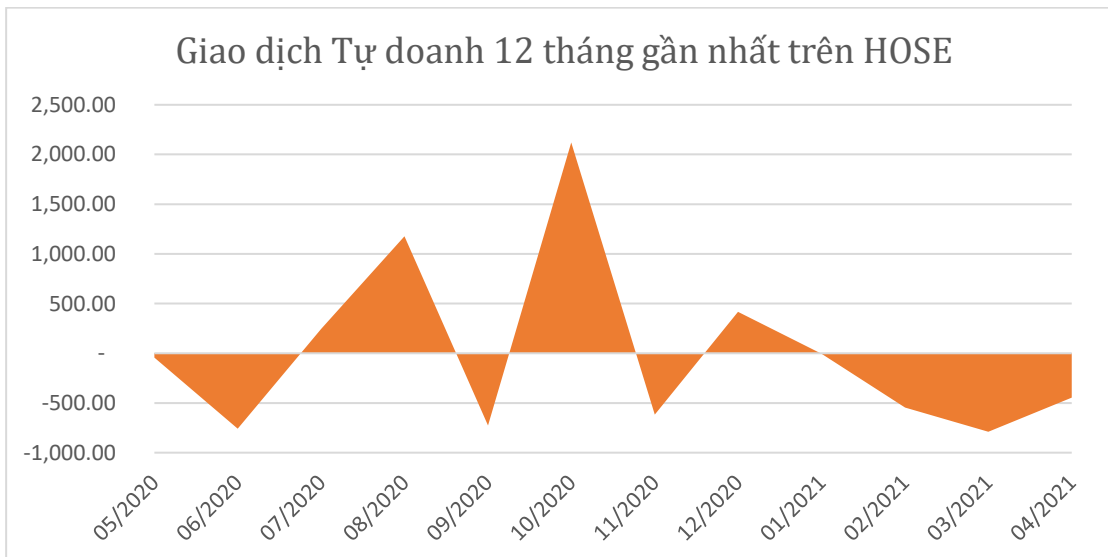
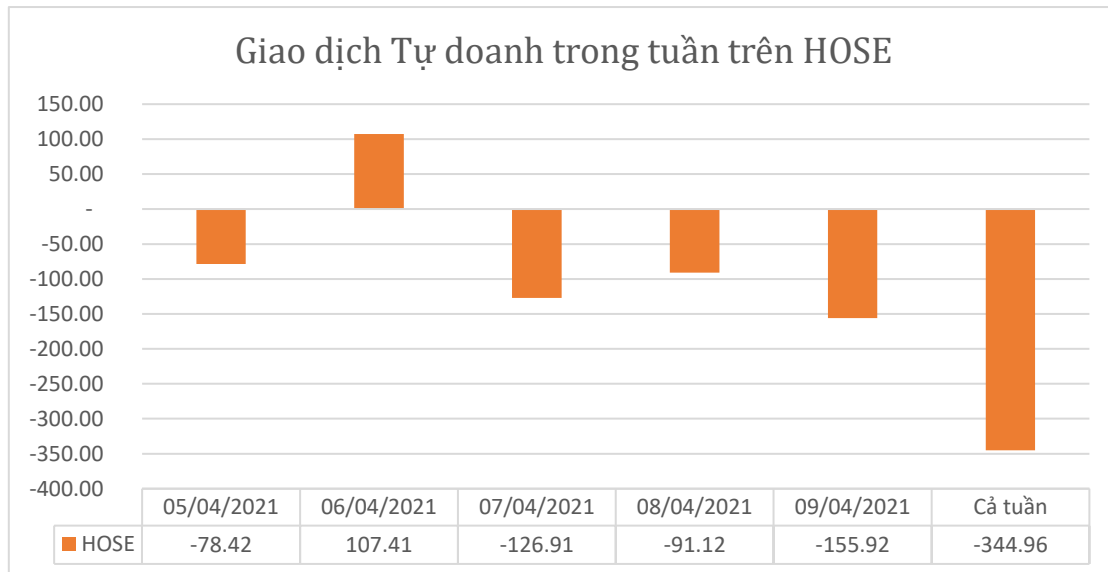
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VHM	-1.79%	2,319.54	CTG	2.91%	758.80
VRE	3.40%	340.36	VNM	-2.82%	179.40
HPG	1.02%	282.45	BID	-1.56%	127.57
MSN	-0.65%	153.74	KDH	1.76%	104.14
STB	0.44%	149.99	GAS	-1.66%	98.41



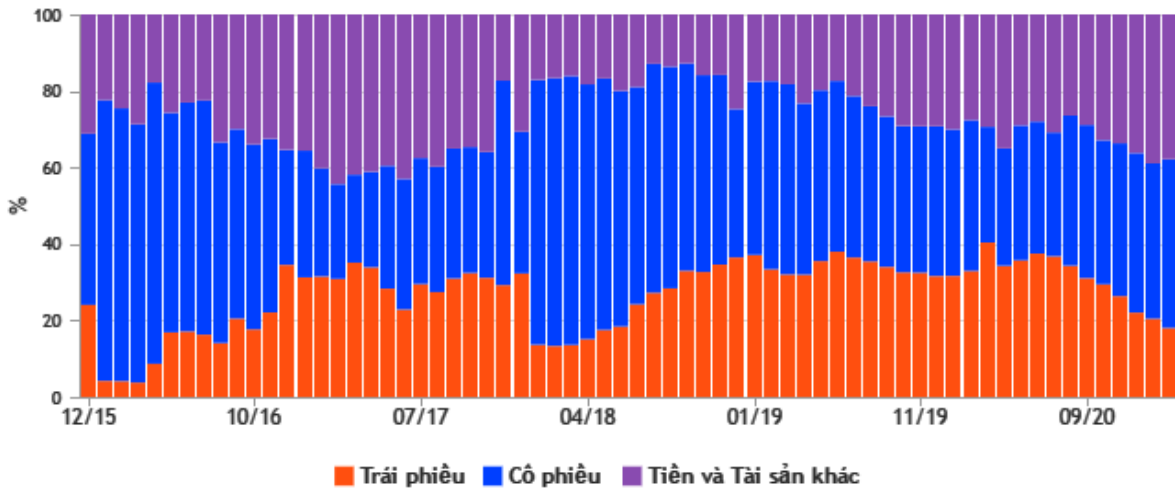
HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH CỦA CÁC CTCK TRÊN HOSE

Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
TCB	0.85%	160.23	FUEVFN	0.73%	143.01
APH	4.32%	50.00	E1VFN30	0.77%	94.58
VIC	1.54%	30.78	VRE	3.40%	83.42
PLX	-1.06%	28.87	STB	0.44%	64.45
MWG	-1.11%	26.32	LPB	3.13%	54.63

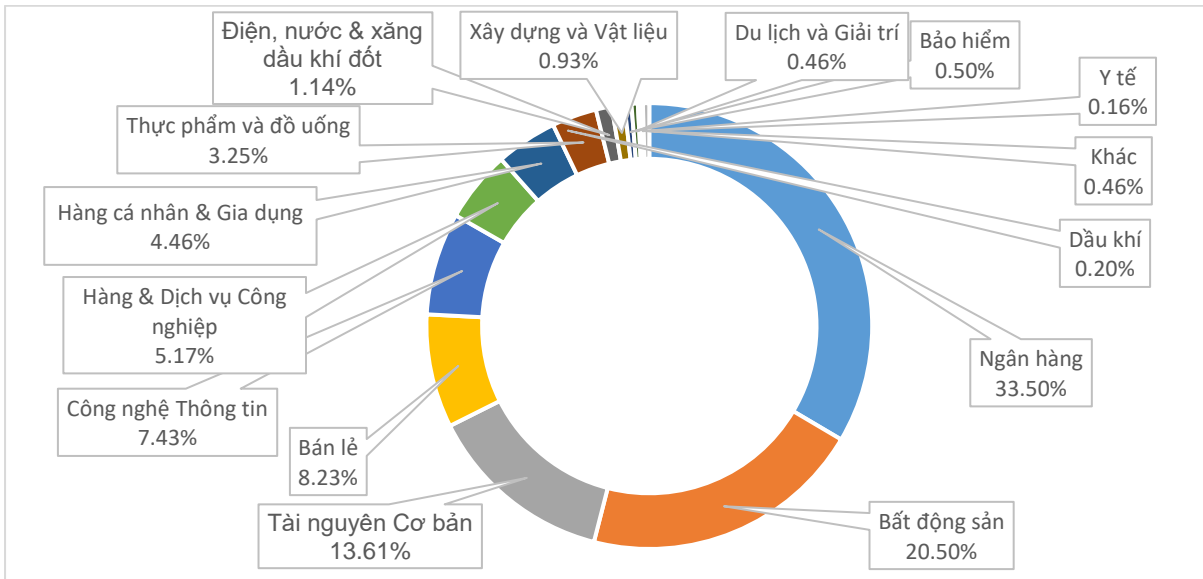


TỔ CHỨC (40 quỹ do finpro platform theo dõi)

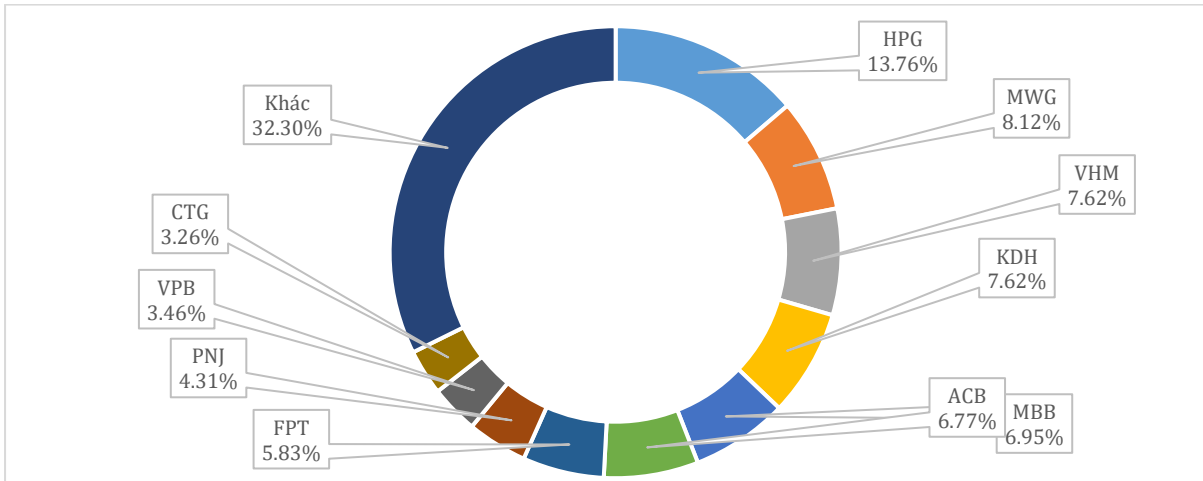
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
FLC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			12/04/21
TVT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	12/04/21	13/04/21	12/04/21
SMB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			12/04/21
NHA	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			12/04/21
BCG	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	12/04/21	13/04/21	15/05/21
BMG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	12/04/21	13/04/21	12/04/21
TPS	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/04/21	13/04/21	12/04/21
MWG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	12/04/21	13/04/21	12/04/21
CAT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	12/04/21	13/04/21	29/04/21
SCG	Upcom	Giao dịch 50.000.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	12/04/21	12/04/21	12/04/21
VTO	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			12/04/21
HLC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	12/04/21	15/03/21	12/04/21
FTS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			13/04/21
ADG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	13/04/21	14/04/21	13/04/21
HSA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	13/04/21	14/04/21	13/04/21
LAI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	13/04/21	14/04/21	13/04/21
CTI	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	13/04/21	14/04/21	13/04/21
PVD	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	13/04/21	14/04/21	13/04/21
FOC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (20.000đ/cp)	13/04/21	14/04/21	29/04/21
DTP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	13/04/21	14/04/21	13/04/21
FTS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			13/04/21
PPE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/04/21	15/04/21	14/04/21
DAG	HSX	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 100:15)	14/04/21	15/04/21	14/04/21
CFC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	14/04/21	15/04/21	29/04/21
ABC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/04/21	15/04/21	14/04/21
MTA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/04/21	15/04/21	14/04/21
VOS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	14/04/21	15/04/21	14/04/21
PDR	HSX	Giao dịch 39.616.344 cp niêm yết bổ sung		08/04/21	14/04/21
DOC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/04/21	15/04/21	14/04/21
DHA	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			14/04/21
BDG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/04/21	15/04/21	14/04/21
CMD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/04/21	15/04/21	14/04/21
FID	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/04/21	15/04/21	14/04/21
MIE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/04/21	15/04/21	14/04/21
HAC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	15/04/21	16/04/21	10/05/21

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
SVD	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	15/04/21	16/04/21	15/04/21
PIT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			15/04/21
PNG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	15/04/21	16/04/21	15/04/21
KAC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	15/04/21	16/04/21	15/04/21
PIT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			15/04/21
TMP	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			15/04/21
CDC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	15/04/21	16/04/21	27/05/21
LDG	HSX	ĐHĐCĐTN năm 2021			15/04/21
L45	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	15/04/21	16/04/21	15/04/21
TLD	HSX	Tổ chức họp ĐHĐCĐTN năm 2021			15/04/21
CDP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	15/04/21	16/04/21	15/04/21
SAV	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			15/04/21
TRC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			15/04/21
DVN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	16/04/21	19/04/21	16/04/21
TDC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			16/04/21
BIC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			16/04/21
TTE	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	16/04/21	19/04/21	16/04/21
SGC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	16/04/21	19/04/21	16/04/21
GAB	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	16/04/21	19/04/21	16/04/21
SJM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	16/04/21	19/04/21	16/04/21
QLT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	16/04/21	19/04/21	16/04/21
PTL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	16/04/21	19/04/21	14/05/21
TCH	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020	16/04/21	19/04/21	15/05/21
AGP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	16/04/21	19/04/21	16/04/21
FMC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			16/04/21
PNJ	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			17/04/21
PTB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			17/04/21
GDT	HSX	ĐHĐCĐTN năm 2021			17/04/21

XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Khả quan	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém khả quan	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY				
Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@ivs.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@ivs.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@ivs.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@ivs.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@ivs.com.vn	709

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM	LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
 VIETNAM INVESTMENT SECURITIES COMPANY	Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696